TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST Ngày 17-4-2024 V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoài và anh Cương"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình;

Ông Phạm Văn Quang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: xóm D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: xóm D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của anh C là ông Vũ Ngọc K, sinh năm 1962, địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;

(Chị H, anh C xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20-12-2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Vũ Ngọc C đăng ký kết hôn ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở

tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trên Hà Nội để làm ăn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hai năm, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nhất là thời gian chị mang bầu phải chi tiêu nhiều khoản dẫn đến kinh tế vợ chồng không thuận lợi nên vợ chồng hay xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Có lần anh C còn đánh chị. Thỉnh thoảng anh C có mang tiền về để trang chải sinh hoạt gia đình, trả tiền nhà và nuôi con nhưng sau đó lại bắt chị chuyển tiền lại cho anh. Như thế nên vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do không chịu được nên từ 20/12/2023 chị đã thuê nhà và cùng con ra ở riêng, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình cảm của đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Quỳnh T, sinh ngày 29/8/2022. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung do con còn nhỏ không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Công ty cổ phần X tại Hà Nội, thu nhập trung bình gồm mức lương và phụ cấp khoảng 13.750.000đồng/tháng. Chị H cung cấp Hợp đồng lao động, bảng thanh toàn tiền lương va giấy xác nhận thu nhập thể hiện mức lương hàng tháng 13.750.000đồng/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Ngọc C có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống và thời gian ly thân. Theo anh C, sau khi cưới vợ chồng lên Hà Nội thuê nhà để làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống khác nhau và quá trình sinh nở chị H hay gặp nhiều khó khăn, thường phải vào bệnh viện thăm khám và dưỡng thai. Kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, khoảng giữa tháng 12/2023 vợ chồng mâu thuẫn nên chị H đã ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh C có lời khai thống nhất với chị H về con chung. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H, khi ly hôn nếu ai nuôi con sẽ phải có trách nhiệm lo cho con.

Về tài sản chung: Anh C có lời khai thống nhất với lời khai của chị H vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh C trình bày, trong quá trình chung sống từ khi chị H có bầu đến khi sinh con đều rất khó khăn, liên tục phải vào viện anh phải đi vay mượn anh em trong gia đình tổng số tiền là 100.000.000đồng, (cụ thể vay của anh Vũ Văn D, bà Trần Ánh T1 và của chị Vũ Thị H1) để chi phí khi chị H

vào viện sinh con. Khi ly hôn anh yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả một nửa số nợ chung là 50.000.000đ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 04/03/2024 anh C thay đổi ý kiến, anh nhất trí ly hôn, nhường quyền nuôi con cho chị H do hiện con còn nhỏ, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Về công nợ chung tại bản tự khai trước anh yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cùng anh trả khoản nợ chung là 100.000.000đ nhưng nay anh xin rút yêu cầu về việc đề nghị giải quyết khoản nợ chung là 100.000.000đ, anh nhận sẽ có trách nhiệm với khoản nợ này, không yêu cầu chị H phải trả số nợ vì hiện nay chị H đang nuôi con nhỏ.

Chị H và anh C đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh C tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cho biết anh Vũ Ngọc C và chị Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng có 01 con chung còn quá trình chung sống, anh C và chị H mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Vũ Ngọc C.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Quỳnh T, sinh ngày 29/8/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị H và anh Vũ Ngọc C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Vũ Ngọc C là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 10/01/2020. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 12 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh C xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh C, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị H và anh C tính tình và quan điểm sống không hợp nên hay xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Chị H đã thuê nhà ra ở riêng cùng với con, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ cuối tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh C. Anh C cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Vũ Quỳnh T, sinh ngày 29/8/2022. Từ khi vợ chồng ly thân con chung ở cùng chị H, xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và việc sinh hoạt và sức khỏe của con vẫn đảm bảo, cháu T phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung. và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Công ty cổ phần X tại Hà Nội, thu nhập trung bình gồm mức lương và phụ cấp khoảng 13.750.000đồng/tháng. Anh C có ý kiến nhường quyền nuôi con cho chị H do hiện con còn nhỏ, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị xin được nuôi con chung của chị H, tiếp tục giao cháu Vũ Quỳnh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị H (do chị H không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung*: Chị H, anh C xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C ban đầu có đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cùng anh trả khoản nợ chung của vợ chồng là 100.000.000đ mà anh đã vay chi tiêu gia đình và trong thời gian chị H sinh nở nhưng sau đó anh xin rút yêu cầu về việc đề nghị giải quyết khoản nợ chung là 100.000.000đ, anh C nhận sẽ có trách nhiệm với khoản nợ này, không yêu cầu chị H phải trả số nợ vì hiện nay chị H đang nuôi con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Vũ Ngọc C.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Quỳnh T, sinh ngày 29/8/2022 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Vũ Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004937 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Quang **Nguyễn Thế Bình**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đồng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga